

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: 14/2019/TT-BVHTTDL	Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2019

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;
Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Thông tư này không điều chỉnh:
 - Chế độ báo cáo thống kê ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định của pháp luật về thống kê;
 - Chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Bảo tàng, Ban Quản lý di tích thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ; cán bộ, công chức, viên chức có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Nguyên tắc, yêu cầu ban hành và thực hiện chế độ báo cáo

Việc ban hành, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện theo Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định 09/2019/NĐ-CP), các quy định của pháp luật về văn hóa, thể thao và du lịch và các quy định tại Thông tư này.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Điều 4. Các loại báo cáo định kỳ

- Báo cáo trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.
- Báo cáo của tổ chức gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Nội dung yêu cầu báo cáo

- Tổng hợp tình hình, đánh giá tiến độ, kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ trong từng lĩnh vực công tác ngành văn hóa, thể thao và du lịch.
- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai nhiệm vụ; chỉ ra ưu điểm, nhược điểm và phân tích nguyên nhân.

3. Dự kiến kế hoạch, nhiệm vụ công tác tháng, quý, 6 tháng cuối năm, năm tiếp theo; giải pháp tổ chức thực hiện, bài học kinh nghiệm xuất phát với các cấp có thẩm quyền (nếu có).

Điều 6. Đối tượng thực hiện báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi tắt là Bộ) và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ) (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).
2. Các tổ chức có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Điều 7. Cơ quan nhận báo cáo

Cơ quan nhận báo cáo là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được quy định cụ thể tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Hình thức, phương thức gửi báo cáo

1. Hình thức gửi báo cáo

Báo cáo phải được ký bởi người có thẩm quyền và được đóng dấu theo quy định. Căn cứ điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị để lựa chọn hình thức sau đây gửi báo cáo đến cơ quan, đơn vị nhận báo cáo:

- a) Báo cáo bằng văn bản giấy và gửi bản mềm (file.doc) qua hệ thống thư điện tử;
- b) Báo cáo bằng văn bản điện tử, thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc được số hóa từ văn bản giấy và được gửi, nhận qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Phương thức gửi báo cáo

Báo cáo được gửi tới cơ quan, đơn vị nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

- a) Gửi qua Trục liên thông văn bản quốc gia;
- b) Gửi qua hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- c) Gửi qua hệ thống thư điện tử;
- d) Gửi trực tiếp;
- đ) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- e) Gửi qua fax.

Điều 9. Thời gian chốt số liệu báo cáo

Thời gian chốt số liệu báo cáo thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

Điều 10. Thời hạn gửi báo cáo

1. Báo cáo tháng: Trước ngày 20 của tháng báo cáo.
2. Báo cáo quý: Trước ngày 20 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.
3. Báo cáo 6 tháng: Trước ngày 20 tháng 6 của năm báo cáo.
4. Báo cáo năm: Trước ngày 20 tháng 12 của năm báo cáo.

Điều 11. Tần suất thực hiện báo cáo

1. Báo cáo tháng: 01 lần/01 tháng (các tháng: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10 và 11).
2. Báo cáo quý: 01 lần/01 quý (báo cáo quý I thay cho báo cáo tháng 3; báo cáo quý II thay cho báo cáo tháng 6; báo cáo quý III thay cho báo cáo tháng 9).
3. Báo cáo 6 tháng: 01 lần/năm (báo cáo 6 tháng thay cho báo cáo quý II và Báo cáo tháng 6).
4. Báo cáo năm: 01 lần/năm (báo cáo năm thay cho báo cáo tháng 12 và báo cáo quý IV).

Điều 12. Mẫu đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo

Mẫu đề cương các báo cáo và các biểu mẫu số liệu (nếu có) theo Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2020.
2. Các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục có hiệu lực thi hành đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác báo cáo và tổng hợp báo cáo do các cơ quan, tổ chức gửi đến.
2. Văn phòng Bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:
 - a) Công bố danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành hoặc quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;
 - b) Quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, đôn đốc việc thực hiện Thông tư.
2. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm:
 - a) Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bảo đảm kết nối với Hệ thống quốc gia;
 - b) Thực hiện các biện pháp giám sát, biện pháp đảm bảo an toàn thông tin.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các Bảo tàng, Ban Quản lý Di tích thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét, xử lý và trả lời bằng văn bản.

	BỘ TRƯỞNG
Nơi nhận: - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng Chính phủ; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương Đảng; - Văn phòng Quốc hội; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Chính phủ; - Tòa án Nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Cơ quan Trung ương của các Tổ chức chính trị - xã hội; - Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;	Nguyễn Ngọc Thiện

- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
Cơ sở Dữ liệu quốc gia về pháp luật;
Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Bộ trưởng; các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Các Sở VHTTDL/VHTT/DL các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, VP (TH).

PHỤ LỤC I

BÁO CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

(Ban hành theo Thông tư số: 14/2019/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Stt	Tên Báo cáo	Đề cương báo cáo	Biểu số liệu	Thời hạn gửi báo cáo	Cơ quan thực hiện báo cáo
Mẫu số 01	Báo cáo công tác văn hóa thể thao và du lịch tháng	x		Trước ngày 20 của tháng báo cáo	- Sở VHTTDL - Sở VHTT - Sở DL
Mẫu số 02	Báo cáo công tác văn hóa, thể thao và du lịch quý	x		Trước ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo	- Sở VHTTDL - Sở VHTT - Sở DL
Mẫu số 03	Báo cáo công tác văn hóa, thể thao và du lịch 6 tháng	x		Trước ngày 20/6	- Sở VHTTDL - Sở VHTT - Sở DL
Mẫu số 04	Báo cáo công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm	x		Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VHTT - Sở DL
Mẫu số 05A	Báo cáo tình hình hoạt động của thư viện và văn hóa đọc năm (<i>Áp dụng đối với thư viện công cộng</i>)	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VHTT
Mẫu số 05B	Báo cáo tình hình hoạt động của thư viện và văn hóa đọc năm (<i>Áp dụng đối với thư viện trường học</i>)	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VHTT (Sở VHTTDL/Sở VHTT hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo)
Mẫu số 06	Báo cáo kết quả thực hiện Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VHTT
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả hoạt động quảng cáo năm	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VHTT
Mẫu số 08	Báo cáo hoạt động phổ biến phim năm	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VHTT

Mẫu số 09	Báo cáo công tác phòng, chống bạo lực gia đình năm	x		Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VH TT
Mẫu số 10	Báo cáo công tác hoạt động nghệ thuật biểu diễn năm	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VH TT
Mẫu số 11	Báo cáo hoạt động của các bảo tàng, di tích năm của các Bộ, ngành	x		Trước ngày 20/12	- Bảo tàng, Ban Quản lý di tích thuộc các Bộ, ngành
Mẫu số 12	Báo cáo công tác thể dục thể thao năm	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở VH TT
Mẫu số 13	Báo cáo tình hình du lịch năm	x	x	Trước ngày 20/12	- Sở VHTTDL - Sở DL

Ghi chú:

- VHTTDL: Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- VH TT: Văn hóa và Thể thao
- DL: Du lịch

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ... SỞ VHTTDL/VH TT/DL... -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
Số: ... /BC- SVHTTDL/VH TT/DL	..., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

Công tác văn hóa, thể thao và du lịch tháng..../...**1**

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Công tác tham mưu xây dựng và hoàn thiện thể chế

Kết quả tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể về văn hóa, thể thao và du lịch có liên quan khác.

2. Lĩnh vực văn hóa, gia đình

- Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa
- Xây dựng văn hóa cơ sở và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”
- Văn hóa dân tộc
- Thư viện
- Điện ảnh
- Nghệ thuật biểu diễn
- Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm
- Bản quyền tác giả và phát triển công nghiệp văn hóa
- Quản lý nhà nước về gia đình

3. Lĩnh vực Thể dục thể thao

- Thể dục, thể thao quần chúng
- Thể thao thành tích cao